



xiōng qí

胸鳍

noun · pectoral fin

Example Sentences

Yú yòng xiōng qí kòng zhì fāng xiàng

鱼用胸鳍控制方向。

Fish use their pectoral fins to control direction.

Shā yú de xiōng qí hěn dà

鲨鱼的胸鳍很大。

Sharks have large pectoral fins.

Xiōng qí de wèi zhì hé xíng zhuàng yīn yú zhǒng ér yì

胸鳍的位置和形状因鱼种而异。

The position and shape of pectoral fins vary by fish species.

Trace each character, then write the word on your own.

胸	胸	胸	胸	胸	胸	胸	胸	胸	胸	胸
胸	胸									

鳍	鳍	鳍	鳍	鳍	鳍	鳍	鳍	鳍	鳍	鳍
鳍	鳍	鳍	鳍	鳍	鳍	鳍	鳍	鳍	鳍	鳍